**Phụ lục 9**

**Hồ sơ xét tuyển chuyên ngành Quản lý công**

*(Kèm theo Thông báo số 174/TB-ĐHKT ngày 15 tháng 01 năm 2021*

*của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)*

**9.1. Hồ sơ dự tuyển sinh thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công gồm:**

1. Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN;
2. Sao y bản chính bằng và bảng điểm đại học *(bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải kèm theo bản dịch công chứng ra tiếng Việt và giấy xác nhận văn bằng của Cục Đảm bảo Chất lượng , Bộ Giáo dục và Đào tạo)*
3. Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức (nếu có);
4. Minh chứng về kinh nghiệm chuyên môn, thâm niên công tác (áp dụng đối với đối tượng ngành khác): Chứng thực sao y bản chính quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dài hạn, quyết định bổ nhiệm hoặc nâng lương gần nhất…kèm theo công văn xác nhận thời gian công tác của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận thâm niên công tác phù hợp với chuyên ngành dự thi.
5. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hiện đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ);
6. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế cấp quận/huyện trở lên (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ);
7. Sao y bản chính văn bằng hoặc chứng chỉ minh chứng năng lực Tiếng Anh (nếu có); trường hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL iBT, B2 CEFR…) phải nộp bản gốc;
8. Bản cam đoan tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ đã nộp;
9. Phiếu Thông tin ứng viên (theo mẫu);
10. 03 ảnh màu 4x6 và 03 ảnh màu 3x4 (chụp trong vòng 6 tháng, kiểu chân dung) ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh vào mặt sau ảnh, bỏ trong phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ thí sinh.

*Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).*

***Lưu ý:***

- Hồ sơ tuyển sinh không được trả lại;

- Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp lệ trong các kỳ thi tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN sẽ không được tham gia dự thi trong năm đó và 2 năm tiếp theo.

**9.2. Tiêu chí xét tuyển**

Việc xét tuyển sẽ căn cứ vào đánh giá của Hội đồng phỏng vấn, hồ sơ và kết quả bài kiểm tra đầu vào của thí sinh. Hình thức, nội dung phỏng vấn, bài kiểm tra và tiêu chí xét tuyển cụ thể như sau:

* + 1. **Phỏng vấn:**

- Thí sinh trình bày trước Hội đồng phỏng vấn về bản thân và nghề nghiệp chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, lý do chọn chương trình theo học, kế hoạch học tập và định hướng phát triển nghề nghiệp, sự nghiệp của bản thân.

- Hội đồng đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: Kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn về chuyên ngành dự thi; tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về động cơ học tập, ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ; tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

- Hội đồng phỏng vấn chấm điểm thí sinh theo các nội dung, tiêu chí đánh giá trong Phiếu phỏng vấn (xem bảng dưới) và ghi rõ thí sinh có đạt yêu cầu hay không. Thư ký Hội đồng phỏng vấn tổng hợp kết quả chấm điểm của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký HĐTS.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm** | | | | | **Tỷ trọng** |
| 1 | Kiến thức về quản lý công và liên quan | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 2 | Kinh nghiệm chuyên môn và hướng phát triển nghề nghiệp | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 5 |
| 3 | Mục đích, động cơ học tập và mức độ cam kết | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 3 |
| 4 | Kỹ năng giao tiếp, trình bày, diễn đạt vấn đề theo yêu cầu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 3 |
| 5 | Năng lực Tiếng Anh | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 3 |

* + 1. **Bài kiểm tra đầu vào:** Thí sinh làm bài kiểm tra đầu vào gồm 2 môn:

1. Tiếng Anh (trình độ tương đương B1).
2. Bài luận về một Tình huống Quản lý công.
   * 1. **Xét tuyển** (xét hồ sơ, kết quả bài kiểm tra viết và đánh giá của Hội đồng phỏng vấn)

Tiểu ban chuyên môn đánh giá kiến thức và năng lực của thí sinh dựa trên việc xét hồ sơ, đánh giá của hội đồng phỏng vấn và kết quả bài kiểm tra đầu vào theo tiêu chí trong bảng dưới đây:

**TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Ghi chú** |
| **1** | **Năng lực học tập bậc đại học** | **20** |  |
|  | Xuất sắc | 20 |  |
|  | Giỏi | 18 |  |
|  | Khá | 15 |  |
|  | Trung bình khá | 12 |  |
|  | Trung bình | 10 |  |
| **2** | **Năng lực ngoại ngữ** | **10** |  |
|  | Có văn bằng, chứng chỉ đạt B2 (CEFR) hoặc tương đương. | 10 |  |
|  | Đối tượng được miễn kiểm tra đầu vào *hoặc* Điểm bài kiểm tra đầu vào đạt: 85 - 100 | 8 |  |
|  | Điểm bài kiểm tra đầu vào đạt: 70 - 84 | 6 |  |
|  | Điểm bài kiểm tra đầu vào đạt: 50 - 69 | 5 |  |
|  | Điểm bài kiểm tra đầu vào: < 50 | 0 | Không đạt |
| **3** | **Bài luận về Tình huống Quản lý công** | **20** |  |
|  | Điểm bài luận: 85 - 100 | 20 |  |
|  | Điểm bài luận: 70 - 84 | 15 |  |
|  | Điểm bài luận: 50 - 69 | 10 |  |
|  | Điểm bài luận: < 50 | 0 | Không đạt |
| **4** | **Điểm của Hội đồng Phỏng vấn** | **50** |  |
|  | Điểm TBC các thành viên: 85 - 100 | 50 |  |
|  | Điểm TBC các thành viên: 70 - 84 | 40 |  |
|  | Điểm TBC các thành viên: 50 - 69 | 25 |  |
|  | Điểm TBC các thành viên: < 50 | 0 | Không đạt |
|  | **TỔNG** | **100** |  |

*Ghi chú:* Tiêu chí xét tuyển có tính đến cơ sở và loại hình đào tạo khi xem xét kết quả học ở bậc đại học. Điểm trong tiêu chí ở mỗi cấp độ trên là điểm tối đa có thể đạt được.

* 1. **Cách tính điểm để xếp loại thí sinh được quy định như sau:**

- Từ 85 điểm đến 100 điểm: xếp loại xuất sắc

- Từ 70 điểm đến 84 điểm: xếp loại khá

- Từ 50 điểm đến 69 điểm: xếp loại trung bình

- Dưới 50 điểm: không tuyển

Kết quả của các thí sinh được xếp theo thứ tự từ cao – thấp, lấy cho đến hết chỉ tiêu tuyển sinh.

Kết quả xét tuyển cuối cùng được Thư ký HĐTS tổng hợp và trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xem xét điểm trúng tuyển và đề nghị ĐHQGHN phê duyệt.

Kết quả tuyển sinh được thông báo tới thí sinh dự thi sau khi có kết quả phê duyệt điểm trúng tuyển của ĐHQGHN.